

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH  
DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**  
Địa chỉ: 1251 Quốc lộ 14, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước  
Điện thoại: (0651) 388. 9034 - Fax: (0651) 388. 9032

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY  
CP SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ  
NĂM 2015**

**NĂM 2015**



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>3</b>
1.	Lịch sử hình thành và phát triển.....	3
2.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	3
3.	Quá trình phát triển.....	6
4..	Định hướng phát triển.....	7
<b>II.</b>	<b>BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>8</b>
1.	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	8
2.	Nhận xét chung.....	9
3.	Phương hướng hoạt động năm 2016.....	9
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>10</b>
1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	10
2.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
3.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.....	12
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>12</b>
<b>V.</b>	<b>BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....</b>	<b>13</b>
<b>VI..</b>	<b>HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>14</b>
<b>VII.</b>	<b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....</b>	<b>15</b>
1.	Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành .....	15
2.	Quyền lợi của Ban Giám đốc.....	21
3..	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động .....	21
4.	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	23
<b>VIII.</b>	<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>23</b>
1.	Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên .....	23
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông .....	23
<b>IX.</b>	<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>24</b>

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ Năm 2015

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**
- Tên tiếng anh: **AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INCORPORATION**
- Tên viết tắt: **AMVIBIOTECH INC**
- Trụ sở chính: **Áp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước**
- Điện thoại: **(84-651) 3889 034**
- Fax: **(84-651) 3889 032**
- VPĐD: **A30 – A31 đường D1 KDC Tân Hải Minh, Phường Linh Tây, Quận. Thủ Đức, TP. HCM**
- Điện thoại: **(84-8) 629 089 14**
- Fax: **(84-8) 629 089 14**
- Website: **[www.AMVIBIOTECH.com](http://www.AMVIBIOTECH.com)**
- Email: **[amvibiotechinc@gmail.com](mailto:amvibiotechinc@gmail.com)**
- Biểu tượng:



## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Dopharco) và Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty bắt đầu thực hiện xây dựng nhà máy với diện tích 1.500 m<sup>2</sup> trên khuôn viên gần 2.500 m<sup>2</sup> tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, nhận chuyển giao công nghệ và nhập khẩu máy móc thiết bị, tổ chức tuyển và huấn luyện cán bộ công nhân viên, sản xuất thử, xin đăng ký lưu hành sản phẩm... Đến cuối năm 2004, nhà máy cơ bản được hoàn thành và sẵn sàng đi vào hoạt động.

Tháng 7/2005, nhà máy của Công ty đã được Bộ Y tế thẩm định kỹ thuật và cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất vacxin – sinh phẩm y tế. Tháng 8/2005, Công ty bắt đầu thực hiện sản xuất kinh doanh và đưa sản phẩm ra thị trường. Mặc dù là Công ty mới, sản phẩm chưa được thị trường biết đến, cùng lúc phải cạnh tranh với các mặt hàng ngoại nhập có chất lượng cao như Abbott, Bio Rad (Mỹ) và các mặt hàng giá rẻ được nhập khẩu từ Trung Quốc, tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong nhà máy, cùng sự hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường của The Sun Co., doanh thu trong năm 2005 – năm đầu tiên chính thức hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt 3,2 tỷ đồng.

Năm 2006, Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối trên cả 3 khu vực Bắc, Trung, Nam thông qua các tổng đại lý của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã kết hợp với các trường đại học, sở y tế các tỉnh như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Hậu Giang, Vũng Tàu, Bắc Giang, Tuyên Quang,... tổ chức các buổi hội thảo về đề tài “Sinh phẩm chẩn đoán nhanh” nhằm giới thiệu các sản phẩm của AMVIBIOTECH. Công ty còn kết hợp với các bệnh viện và trung tâm y tế nghiên cứu các đề tài khoa học: “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán HIV”; “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán bệnh lao và chẩn đoán Viêm gan B”. Việc xét nghiệm thực hiện tại các buổi hội thảo, các đề tài nghiên cứu đều cho kết quả chính xác. Doanh thu năm 2006 đạt 4,3 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2005.

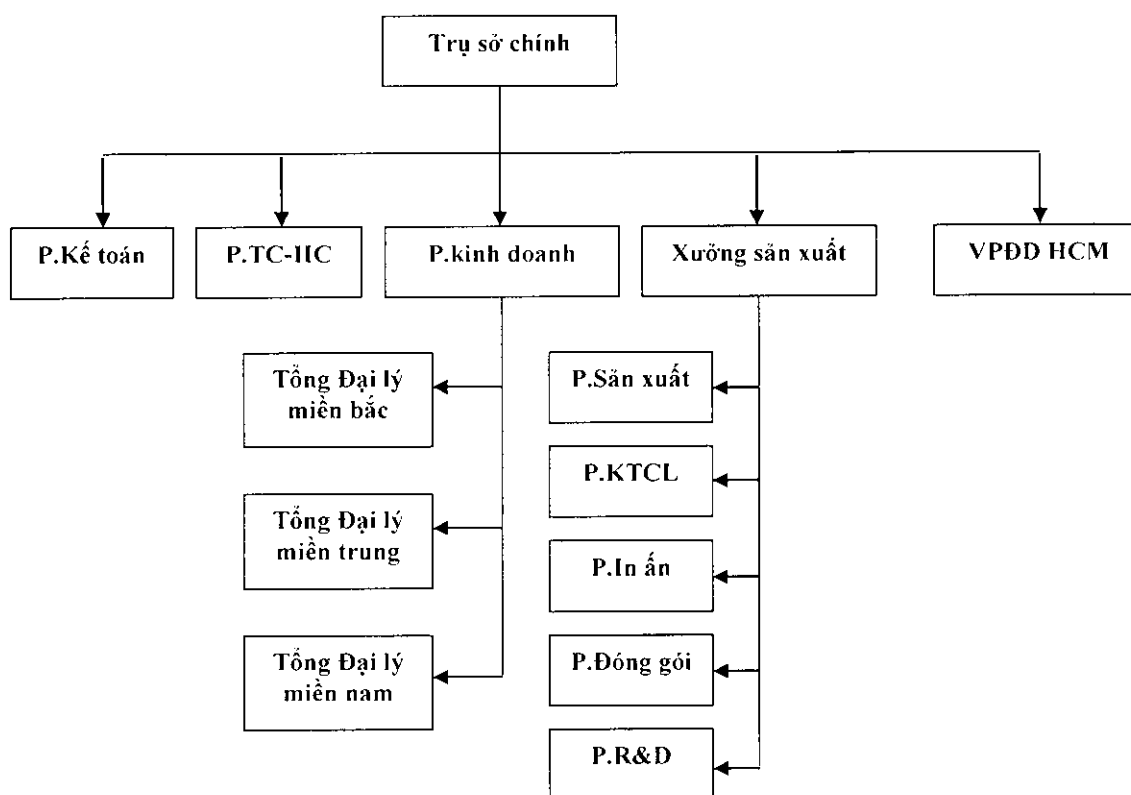
Năm 2007, Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức 27% với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 19%.

Tháng 4/2007, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ cho Cán bộ công nhân viên của Công ty và Nhà đầu tư chiến lược (là đối tác kinh doanh của Công ty) tăng vốn điều lệ của Công ty lên 21 tỷ đồng.

### 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

#### 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

**Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty**



Trụ sở chính của công ty tọa lạc tại Ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Đây là cơ quan đầu não của Công ty, xưởng sản xuất chính của Công ty hiện đang tiến hành sản xuất tại đây. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

**Phòng Kế toán**

- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn phù hợp cho sản xuất kinh doanh và tái đầu tư.
- Hỗ trợ Phòng Kinh doanh trong việc thống kê doanh số và thanh toán.
- Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo kế toán cho Giám đốc tham khảo và ra quyết định hoạt động kinh doanh.

**Phòng Tổ chức Hành chính**

- Tuyển dụng nhân viên mới, gửi nhân viên đi đào tạo tại các khóa học.
- Quyết định mức lương thưởng, xét duyệt nghỉ phép.
- Tổ chức nhận và soạn thảo công văn, hồ sơ xin phép đăng ký sản phẩm, tổ chức các Hội thảo giới thiệu về sản phẩm.

**Phòng Kinh doanh**

- Quản lý toàn bộ kênh phân phối và hệ thống các tổng đại lý trên toàn quốc, hỗ trợ các đại lý thực hiện marketing cho sản phẩm và đấu thầu bán sản phẩm vào các cơ sở y tế của Nhà Nước.
- Dự báo nhu cầu sản phẩm, đề xuất chính sách kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường.

**Xưởng sản xuất**

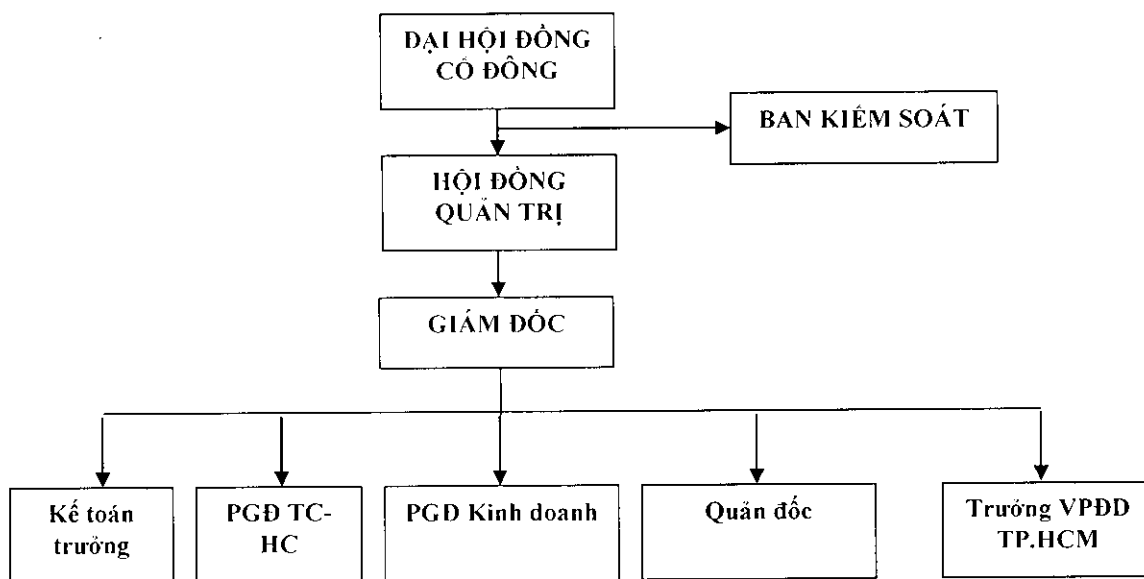
Xưởng sản xuất gồm các phòng sau đây

- Phòng sản xuất: Trực tiếp theo dõi điều hành việc sản xuất của nhà máy.
- Phòng Kiểm tra chất lượng: Triển khai, thực hiện, giám sát hoạt động kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng của sản phẩm của Công ty. Thiết lập, thực hiện kế hoạch hiệu chuẩn và bảo quản các thiết bị kiểm tra chất lượng.
- Phòng In ấn: Thiết kế mẫu bao bì, đặt khuôn in và đặt hàng bao bì. Điều hành và tổ chức in ấn bao bì sản phẩm.
- Phòng Đóng gói: Đóng gói sản phẩm vào thùng, vào hộp và bảo quản sản phẩm.
- Phòng R&D: Thực hiện các công tác nghiên cứu và phát triển nhằm khảo sát nhu cầu, đưa ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh cạnh tranh với các hãng khác.

**Các văn phòng đại diện**

Nhằm tăng cường sự hiện diện của Công ty rộng khắp cả nước. Công ty đã mở văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Sắp tới, Công ty sẽ mở các văn phòng tại các khu vực khác trên toàn quốc. Các văn phòng đại diện này có trách nhiệm thu nhận các đơn đặt hàng, là địa điểm phân phối sản phẩm của Công ty, hỗ trợ bộ phận kinh doanh trong việc mở rộng các đại lý.

**2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**



**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty gồm ít nhất 05 thành viên và nhiều nhất là 11 người. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

### **Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 3 đến 5 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

### **Giám đốc**

Giám đốc là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

### **Các cán bộ quản lý khác**

Với từng nhiệm vụ vai trò của mình, các cán bộ quản lý cấp dưới giúp Giám đốc Công ty theo dõi thực hiện nhiệm vụ của từng phòng ban cụ thể. Các cán bộ quản lý khác cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Kế toán trưởng là người đứng đầu, là người chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý phòng kế toán. Có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ của Công ty, lập ra và tư vấn chiến lược cho Hội đồng quản trị và Giám đốc về các quyết định tài chính.
- Phó Giám đốc các phòng ban: Gồm Phó Giám đốc tổ chức hành chính, Phó Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm theo dõi và thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng mình.
- Quản đốc: Chịu trách nhiệm theo dõi phân xưởng sản xuất, phân công nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề tại phân xưởng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc các toàn bộ các vấn đề phát sinh tại phân xưởng.

## **3. Quá trình phát triển**

### **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/10/2012, Công ty được kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- ✓ Đại lý ký gởi hàng hóa;
- ✓ Kinh doanh địa ốc;

- ✓ Đầu tư tài chính;
- ✓ Chuyển giao công nghệ;

**Tình hình hoạt động công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ**

**Trong năm 2015:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh đi vào ổn định. Duy trì đời sống ổn định của CB CNV.

**4. Định hướng phát triển**

**• Định hướng năm 2016**

Duy Trì và Phát Triển hoạt động Sản Xuất Kinh Doanh, khai thác tối đa công suất cơ sở vật chất hiện có, quay nhanh chu chuyển dòng vốn, giảm chi phí tài chính, đảm bảo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập tiền lương cho người lao động, giữ vững tư tưởng chính trị nội bộ ổn định.

**1. Sản Xuất:**

- Tăng cường sản xuất và xin Đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests,
- Tăng cường sản xuất và xin Đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Home Tests (Test thử tại nhà)
- Trang bị thêm máy móc thiết bị sản xuất.

**2. Kinh Doanh :**

- Mở rộng hệ thống phân phối toàn quốc.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Tổ chức mạng lưới đấu thầu các dự án quốc gia, các bệnh viện, TT y tế.

Tăng cường công tác chuẩn bị mọi mặt đề tập trung lực cho những năm tiếp theo;

Củng cố và phát triển nguồn nhân lực, cải tiến chính sách nhân sự về tiền lương, thưởng, phúc lợi, chế độ làm việc....Tổ chức tuyển dụng nhân sự mới có chất lượng để bổ sung, đáp ứng nhu cầu vận hành sản xuất đối với Nhà máy . Đây mạnh công tác đào tạo và tái đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân, nâng cao kỹ năng quản trị cho các cấp điều hành quản lý, nâng cao kỹ năng marketing, kỹ thuật công nghệ sản xuất;

Lấy mục tiêu giảm giá thành sản xuất làm thước đo hoạt động. Ngay từ đầu năm tổ chức sắp xếp hoạt động các đơn vị sản xuất về tổ chức nhân sự, cơ cấu sản phẩm, phân khúc thị trường, khách hàng mục tiêu...

Xem xét các khoản đầu tư cốt lõi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cho điều kiện cơ sở vật chất hiện có đáp ứng khẩn cấp nhu cầu kinh doanh;

Giữ vững thị trường, duy trì sự ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu để bù đắp sự gia tăng của chi phí đầu vào do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất tiền vay nhằm đảm bảo lợi nhuận Công ty không bị giảm sút;

Đảm bảo cơ cấu vốn phù hợp tạo điều kiện để Công ty phát triển bền vững, đối phó có hiệu quả tình hình lạm phát và bất ổn tài chính, tiền tệ trong nước.



**II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1. Hoạt động của Hội đồng quản trị****Các cuộc họp của HĐQT:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bách Mộng Hà	CT HĐQT	1	100%	
2	Bà Hoàng Oanh	TV HĐQT	1	100%	
3	Bà Lê Thị Thu Hà	TV HĐQT	1	100%	
4	Ông Tô Minh Vũ	TV HĐQT	1		Uy quyền
5	Bà Nguyễn Lệ Thủy	TV HĐQT	1	20%	Ca nhan

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua điện thoại và Email với Ban Giám Đốc.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có tiểu ban

**Công tác lãnh đạo**

Trên cơ sở Nghị quyết được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015, HĐQT đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015, tổ chức chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng bởi đại suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, kịp thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức... thể hiện qua các mặt cụ thể:

**a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:**

Tổng doanh thu đạt: 8.055 tỷ đồng; Tăng doanh thu (193%) so với năm 2014

Lợi nhuận sau thuế lỗ: (654.065.413) đồng; giảm lỗ (6.92%) so với năm 2014

**Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	0103-2015	10/03/2015	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

**Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành**

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành; các thành viên đã nỗ lực làm việc để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- HĐQT trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Ban giám đốc đề nghị những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong nhiều lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu đầy đủ

các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

## 2. Nhận xét chung

### Kết quả đạt được

- Tập thể CB-CNV tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với Công ty, siêng năng tận tụy với công việc;
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện được vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành;
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh...

### Tồn tại hạn chế

- Năm 2015 Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp, .....
- Mặc dù định mức chi phí sản xuất được tiết giảm khá tốt trong năm qua, nhưng trong năm 2016 cần quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp tối đa chi phí sản xuất để gia tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh giá cả chi phí đầu vào biến động.
- Cơ chế, thủ tục xin các loại giấy phép còn quá phức tạp đã và đang hạn chế sự ổn định, tăng trưởng của doanh nghiệp
- Tình hình kinh tế trong nước nói chung có nhiều biến động, tác động tiêu cực đến các mặt hoạt động của Công ty; biến động giá cả đầu vào lớn, làm tăng giá thành sản xuất, hạn chế hiệu quả kinh doanh.

## 3. Phương hướng hoạt động năm 2016

Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 04 năm 2016, Hội đồng quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định, Điều lệ Công ty một cách khẩn trương và trung thực, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao để đảm bảo cho sự phát triển của Công ty cũng như đảm bảo quyền lợi của tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Thực hiện Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán để hoàn thiện hơn công tác Quản trị Công ty.

Tổ chức tốt các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận, điều chỉnh và thông qua các báo cáo, kế hoạch của Ban Giám đốc.

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo kiên quyết chấn chỉnh các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Tổng doanh thu 2015 đạt: 8.055 tỷ đồng; Tăng doanh thu (193%) so với năm 2014

Lợi nhuận sau thuế 2015 **lỗ**: (654.065.413) đồng; **giảm lỗ (6.92%)** so với năm 2014

Công ty đã trên đà phục hồi mạnh mẽ năm 2015 so với năm 2014

**Mục tiêu năm 2016:** Doanh thu sẽ phải đạt 10 tỷ, tăng 25% so với năm 2015

Lợi nhuận sẽ phải đạt 500.000.000 (5% doanh thu)

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### a. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 là 4.581 đồng/cổ phần.

##### b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Không có.

##### c. Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

##### d. Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại

- Trái phiếu có thể chuyển đổi: Không có
- Trái phiếu không thể chuyển đổi: Không có

##### e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

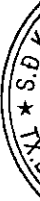
- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

##### f. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ

Không có.

##### g. Cổ tức lợi nhuận đã chia

Do lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 bị âm nên công ty không chia cổ tức, lợi nhuận.



**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2015	2014
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>8.054.848.829</b>	<b>4.172.714.450</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>8.054.848.829</b>	<b>4.172.714.450</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>5.526.819.878</b>	<b>4.361.282.599</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>2.528.028.951</b>	<b>(188.568.149)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.077.523	4.792.636
7. Chi phí tài chính	22	1.005.687.306	4.821.063.092
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	931.307.531	302.557.523
8. Chi phí bán hàng	24	38.044.697	212.638.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.917.349.020	2.707.408.980
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>	<b>(430.974.549)</b>	<b>(7.524.885.596)</b>
11. Thu nhập khác	31	1.905	274.596.643
12. Chi phí khác	32	223.092.769	1.796.211.780
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(223.090.864)</b>	<b>(1.521.615.137)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(654.065.413)</b>	<b>(9.446.500.733)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>(654.065.413)</b>	<b>(9.446.500.733)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>(309)</b>	<b>(4.465)</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2015

**3. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2016**

Doanh thu sẽ phải đạt 10 tỷ, tăng 25% so với năm 2015

Lợi nhuận sẽ phải đạt 500.000.000 (5% doanh thu)

**a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

Căn cứ kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi, khó khăn sắp tới. Công ty xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2016 như sau:

**Trong năm 2015** Công ty đã hoàn tất đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO tại 1251 QL 14, TX, Đồng Xoài, Bình Phước và bước đầu đi vào hoạt động ổn định.

- Sản phẩm tăng khoảng 150% so với năm trước. Lên kế hoạch đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests. Tăng cường sản xuất và xin đăng ký, 10 mặt hàng Home Tests ( Test thử tại nhà)
- Tăng cường Marketing, Mở rộng hệ thống đại lý phân phối toàn quốc.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Tăng cường mạng lưới đấu thầu các dự án Quốc tế, dự án quốc gia, các bệnh viện, Trung tâm y tế.

**b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016:**

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả, tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho Công ty để đầu tư phát triển... nhằm tăng năng lực tài chính cho Công ty.
- Quản lý tài chính minh bạch, công khai. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng, các nhà thầu; Quản lý chặt chẽ công nợ; Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình tài chính của từng dự án để có biện pháp cân đối tài chính thích hợp.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán được đính kèm báo cáo này.

V. **BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (AASCS)**

**Kính gửi:** - **Cổ đông công ty CP SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ**  
- **Hội đồng Quản trị công ty CP SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ**  
- **Ban Giám đốc công ty CP SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 13/01/2016 từ trang 7 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Đã ký)

**LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

(Đã ký)

**NGUYỄN THỊ THẢO**

Số Giấy CN ĐKHN KT: 2626-  
2013-142-1

## VI. HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY

## Hệ thống các đại lý của AMVIBIOTECH

STT	Tên tổng đại lý	Địa chỉ
<b>I. Khu vực Miền Nam</b>		
1	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Nguyên	103/22 Điện Cao Thế, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
2	Công ty TNHH TB Y Tế Thiên Nam	163/13/4 Đường Thống Nhất, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM
3	Công Ty TNHH TM Dược phẩm Chánh Nam	Số 22, Đường 266 Bùi Minh Trực, P. 6, Q. 8, TP. HCM
4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Dương Minh	417/11 Đường Quang Trung, P. 4, Q. Gò Vấp, TP. HCM
<b>II. Khu vực Miền Trung</b>		
1	Công ty TNHH TBVTYT & KHKT Tam Nguyên	228 Thanh Thủy, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
<b>III. Khu vực Miền Bắc</b>		
1	Công ty CP Thương mại Thiên Vũ	120 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công Ty TNHH MEDICO Việt Nam	32 Nguyễn Công Trứ, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
3	Đại lý phân phối hàng OEM và các chương trình quốc gia	

*Nguồn: AMVIBIOTECH*

Với hệ thống các tổng đại lý hiện nay ở cả 3 miền, sản phẩm của Công ty đã được phân phối rộng khắp các tỉnh thành thông qua các đại lý cấp 2, cấp 3 và các nhà thuốc bán lẻ.

Để khuyến khích các tổng đại lý trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, Công ty có những chính sách chiết khấu giảm giá dựa trên doanh số bán hàng. Ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết, các tổng đại lý còn nhận được sự hỗ trợ khác của Công ty trong việc tổ chức hội nghị khách hàng và một số chi phí khác trong việc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

Trong chiến lược phân phối sản phẩm thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các tổ chức có thị trường lớn làm tổng đại lý cho những sản phẩm mới của Công ty nhằm một mặt mở rộng kênh phân phối, mặt khác hạn chế được các xung đột về mặt lợi ích giữa các tổng đại lý.

- **Các trung tâm y tế, bệnh viện**

Xuất phát từ đặc tính của sản phẩm, việc đưa sản phẩm của Công ty vào các trung tâm y tế và bệnh viện rất có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt đối với các sản phẩm như Test HIV, Test viêm gan B thì đây là kênh phân phối duy nhất do các sản phẩm này chỉ được phép sử dụng bởi các tổ chức có chuyên môn. Công ty đã khai thác tối đa các mối quan hệ sẵn có và kết hợp những người có quan hệ sâu rộng trong lĩnh vực y tế tham gia làm cộng tác viên nhằm đưa sản phẩm của Công ty vào thị trường này. Hiện nay, có trên 25 trung tâm y tế và bệnh viện là khách hàng thường xuyên của Công ty như: Sở y tế Tp.HCM, Trung tâm Y tế Dự phòng Tp.HCM, Bệnh viện Nhiệt Đới, Bệnh viện Lao, Bệnh viện Giao Thông Vận Tải TP. HCM, Bệnh

• Các chương trình quốc gia và các tổ chức phi chính phủ

Ngoài các kênh phân phối nêu trên, Công ty còn cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các chương trình dự án lớn của quốc gia và các tổ chức thế giới hỗ trợ Việt Nam về y tế như: Dự án phòng chống HIV của quốc gia, và đặc biệt là trong thời gian vừa qua, Công ty đã có những hợp đồng đầu tiên với Tổ chức DKT Quốc tế tại Việt Nam, là một tổ chức phi chính phủ, có hệ thống phân phối sản phẩm trên 10.000 nhà thuốc bán lẻ trên toàn quốc.

**VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành**

**1.1. Hội đồng quản trị**

**1.1.1 Ông Bách Mộng Hà – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày sinh	11/11/1946	Địa chỉ thường trú	2702N Berkley St, Orange CA, 92865 - USA
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Mỹ	Trình độ văn hóa	Sau Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Tiến Sĩ Khoa Học (CSULB USA)
<b>Quá trình công tác</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 1978 – 2000: Khoa học gia, Chuyên viên kỹ thuật cao (MTS) của Hughes Air Craft, hợp đồng làm việc cho bộ quốc phòng Mỹ.</li> <li>▪ 2000 – 2002: Công tác tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co.).</li> <li>▪ 2002 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH</li> </ul>			
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Hội đồng thành viên The Sun Co.		
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	156.960 cổ phiếu		
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Vợ:Hoàng Oanh: 117.000 cổ phiếu		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Thù lao	-		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		



**1.1.2 Bà Hoàng Oanh – Thành viên HĐQT**

Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Bình
Ngày sinh	21/02/1973	Địa chỉ thường trú	Số 2 Đường 2, P. Phước Bình, Q.9, Tp.HCM.
Nơi sinh	Quảng Ninh	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản lý kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Năm 1997 - năm 2000: Quản Lý Doanh Nghiệp Tư Nhân Làng Vãn.</li> <li>▪ Năm 2000 - nay: Công tác tại Công ty TNHH SXTM Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co), Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.</li> </ul>			
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	117.000 cổ phiếu		
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Mẹ: Đàm Thị Hưng: 3.000 cổ phần Chồng: Hà Mộng Bắc: 156.960 cổ phiếu		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Thù lao	-		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

**1.1.3 Bà Lê Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT**

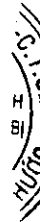
Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Hóa
Ngày sinh	1966	Địa chỉ thường trú	449 Võ Văn Tần, P.5 , Q.3 , Tp.HCM
Nơi sinh	Bắc Ninh	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh doanh

198/AN/ET/11

<b>Quá trình công tác</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tháng 09/2002 - tháng 03/2007: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị AMVIBIOTECH</li> <li>Tháng 04/2007 - nay: Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH, Phòng Kinh doanh.</li> </ul>	
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, cố vấn kinh doanh AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	60.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.1.4 Ông Tô Minh Vũ – Thành viên HĐQT**

Gới tính	Nam	Quê quán	Hà Tĩnh
Ngày sinh	18/09/1970	Địa chỉ thường trú	B13-3 CC Hồng Lĩnh, Đường 9A, Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh, HCM
Nơi sinh	Hà Tĩnh	Số điện thoại cơ quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	
<b>Quá trình công tác</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Năm 2015 – nay: thành viên HĐQT AMVIBIOTECH</li> </ul>			
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	105.400 Cổ phiếu		
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	105.400 Cổ phiếu		



Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.1.5 Bà Nguyễn Lệ Thủy – Thành viên HĐQT**

Giới tính	Nữ	Quê quán	Hung yên
Ngày sinh	07/04/1976	Địa chỉ thường trú	B13-3 CC Hồng Lĩnh, Đường 9A, Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh, HCM
Nơi sinh	Hung yên	Số điện thoại cơ quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	
<b>Quá trình công tác.</b>			
2015 – nay: thành viên HĐQT công ty AmviBiotech			
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	395.400 Cổ phiếu		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	395.400 Cổ phiếu		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Thù lao	-		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

**1.2 Ban Giám đốc**

**1.2.1 Ông Bách Mộng Hà – Giám đốc**

Xem mục 1.1.1

**1.3 Ban Kiểm soát**

**1.3.1 Bà Hà Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát**

Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Oai, Hà Tây
-----------	----	----------	-------------------

Ngày tháng năm sinh	22/10/1982	Địa chỉ thường trú	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Tây
Nơi sinh	Hà Tây	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh Doanh
<b>Quá trình công tác:</b>			
▪ Tháng 11/2004 – Nay: công tác tại phòng Kinh doanh AMVIBIOTECH			
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban Kiểm Soát AMVIBIOTECH		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	5.000 cổ phần		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Thù lao	-		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

### 1.3.2 Bà Đặng Thị Giang – Thành viên BKS

Giới tính	Nữ	Quê quán	Nghệ An
Ngày sinh	24/05/1980	Địa chỉ thường trú	11 – Phố 5 - Ấp 3 – Phú Vinh – Định Quán – Đồng Nai
Nơi sinh	Nghệ An	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>			
▪ Năm 2002 – Nay: Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ			
Chức vụ hiện nay	Nhân viên <b>Phòng Kế Toán</b>		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	Không		



Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.3.3 Bà Phan Thị Hoa – Thành viên BKS**

Gới tính	Nữ	Quê quán	Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	10/01/1981	Địa chỉ thường trú	Số 02 Phường Tam Phú, Đồng Xoài, Bình Phước
Nơi sinh	Thái Bình	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	

**Quá trình công tác:**

- Năm 2006 – Nay: Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ

Chức vụ hiện nay	Phó quản đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

38  
C  
C  
XU  
:VA  
Y  
/IE  
/OA

**1.4 Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Văn Vĩnh**

Giới tính	Nam	Quê quán	Nam Định
Ngày sinh	08/05/1962	Địa chỉ thường trú	20 Đường 11, KP 2, Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM
Nơi sinh	Nam Định	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 1991 – 1999: Kế toán công ty xây dựng số 5</li> <li>▪ 1999 - 2007: Kế toán công ty CP dầu khí và xây dựng số 9.</li> <li>▪ 2007 – 2011: KTT công ty TNHH Trường Thịnh Phúc</li> <li>▪ 2011 – nay: KTT công ty AMVI BIOTECH, Inc.</li> </ul>			
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng AMVIBIOTECH		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/03/2016	Không		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/03/2016	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Thù lao	-		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

**2. Quyền lợi của Ban Giám đốc**

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được chi trả dựa trên Quy chế trả lương và các khoản chi khác của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ

**3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động****a. Số lượng cán bộ, nhân viên**

Hiện tại, số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ là 35 người, trong đó có 27 nữ với kết cấu lao động như sau:

- Trình độ trên đại học: 2 người.
- Trình độ đại học: 7 người
- Trung cấp và cao đẳng: 9 người.
- Lao động phổ thông: 17 người.

**b. Chính sách với người lao động**

**Chế độ làm việc:**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày và 44 giờ/ tuần.

**Chính sách lương:**

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống của CB-CNV. Mức lương bình quân của CB-CNV Năm 2015 là 4.500.000đồng/người/tháng. Năm 2016 lương bình quân từ 5.000.000đồng/người/tháng.

Thời gian làm việc của nhân viên tại Công ty là 5,5 ngày/tuần. Lương của nhân viên văn phòng được tính theo thời gian làm việc và lương của nhân viên sản xuất được tính theo năng suất lao động.

**Chính sách khen thưởng:**

Chính sách thưởng Công ty đang thực hiện bao gồm thưởng định kỳ hàng năm và thưởng đột xuất: Việc xét và thưởng định kỳ của Công ty được thực hiện vào cuối năm, tháng lương thứ 13, mức thưởng của CBCNV cao hay thấp phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và việc hoàn thành tốt công việc trong năm của cá nhân đó.

Việc thưởng đột xuất và biểu dương trước tập thể được Công ty thực hiện một cách kịp thời đối với các cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động để động viên và khuyến khích đối với người lao động có thành tích.

**Chính sách trợ cấp:**

Tất cả nhân viên của Công ty được đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định, bao gồm: như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Ngoài ra, tại nhà máy của Công ty ở Bình Phước còn có nhà tập thể cho nhân viên gồm có 8 phòng sử dụng để bố trí chỗ ở công nhân viên có nhà ở xa. Hàng năm, Công ty đều tổ chức tham quan, họp mặt, nghỉ mát cho vào các dịp lễ nhằm động viên, nâng cao tinh thần đoàn kết của đội ngũ CBCNV trong Công ty.

Môi trường làm việc tại nhà máy là không khói bụi, không tiếng ồn thoáng mát, và nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ: khẩu trang, găng tay, áo blouse trắng...

**Chính sách đào tạo:**

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở AMVI còn được doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, cử đi học để nâng cao nghiệp vụ như trung cấp dược, xét nghiệm máu, kế toán và những khóa học do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tài trợ. Tùy theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những nhân viên được cử đi học có thể được hưởng nguyên lương và được hỗ trợ tiền học phí trong thời gian học tập.

**4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.**

Trong năm 2015, có sự thay đổi về thành viên HĐQT và Ban giám sát như sau:

1. Miễn Nhiệm:

Ông Bùi Khắc Hào TV HĐQT

Bà Nguyễn Tuấn Huyền TV HĐQT

Bà Trần Huệ Linh TV BGS

2. Bổ Nhiệm

Ông Tô Minh Vũ TV HĐQT

Bà Nguyễn Lệ Thủy TV HĐQT

Bà Phan Thị Hoa TV BGS

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên**

**Danh sách Thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2.	Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT
3.	Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
4.	Ông Tô Minh Vũ	Thành viên HĐQT
5.	Bà Nguyễn Lệ Thủy	Thành viên HĐQT

**Danh sách Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Hà Thị Thu Trang	Trưởng BKS
2.	Bà Đặng Thị Giang	Thành viên BKS
3.	Bà Phan Thị Hoa	Thành viên BKS

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông**

**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:**

**Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 04/03/2016**

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng
<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>464.280</b>	<b>4.642.800.000</b>	<b>21.56</b>	<b>5</b>
Cổ đông trong nước	237.680	2.376.800.000	10.7	3
Cổ đông nước ngoài	226.600	2.266.000.000	10.86	2
<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>1.651.470</b>	<b>16.514.700.000</b>	<b>75.1</b>	<b>277</b>
Cổ đông trong nước	1.636.330	16.363.300.000	78.44	269
Cổ đông nước ngoài	15.140	151.400.000	0.74	8
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.115.750</b>	<b>21.157.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>282</b>

*Nguồn: AMVIBIOTECH*

**2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:**



Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/10/2012, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

**Danh sách cổ đông sáng lập**

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co., Ltd)	449 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, Tp.HCM	226.380	2.263.800.000	10,7
2	Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incomex Saigon)	Số 27 Cao Thắng, P.2, Q.3, Tp.HCM	150.000	1.500.000.000	10
3	Bà Hoàng Oanh	Số 2 Tổ 1, Đường Số 2, Phường Phước Bình, Quận 9, Tp.HCM	117.000	1.170.000.000	5,53
4	Ông Nguyễn Tiến Hưng	39, Đường 2, CX Bình Thới, P.8, Q.11, Tp. HCM	92.500	925.000.000	4,37
5	Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	48.000	480.000.000	2,27
<b>Tổng cộng</b>			<b>633.880</b>	<b>6.338.800.000</b>	<b>33.24</b>

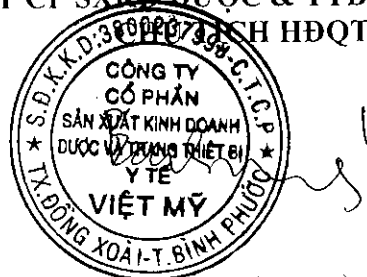


Nguồn: AMVIBIOTECH

IX. PHỤ LỤC:

Phụ lục: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2015

**CÔNG TY CP SXKD DƯỢC & TTB Y TẾ VIỆT MỸ**



*Bach Mong Ha, Ph.D*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH  
DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

*Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015*

**Sao Y Bản C.**

*Ngày 09/03/2016*

**GIÁM ĐỐC**



*Bach Mong Hoa, PhD*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	7 - 10
Bảng cân đối kế toán	11 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 41
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	

K.Đ.3  
C  
SẢN XU  
ƯỚC V.  
VI  
S.XO  
D  
TR  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
ÀI CH  
VÀ  
PI  
VI.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.157.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 21.157.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 2 - Xã Tiên Thành - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyên giao công nghệ.

#### 4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Tên	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Công ty liên kết</i>			
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	2.600.000.000	30,23%	30,23%

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là -654.065.413 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là -9.446.500.733 VND.)

- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2015 là -11.484.062.351 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2014 là -10.829.996.938 VND.)

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Bách Mộng Hà	Chủ tịch	
Ông:	Bùi Khắc Hào	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Bà:	Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Bà:	Hoàng Oanh	Thành viên	
Bà:	Lê Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà:	Nguyễn Lê Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Ông:	Tô Minh Vũ	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 10/03/2015)

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông:	Bách Mộng Hà	Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Vĩnh	Kế toán trưởng

### V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Bình Phước, ngày 13 tháng 01 năm 2016

**TM. Ban Giám đốc**



*Bách Mộng Hà*  
**Bách Mộng Hà**

Số 29.../BCKT/TC/2016/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:

- Cổ đông Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Hội đồng Quản trị Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Ban Giám đốc Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 13/01/2016 từ trang 7 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

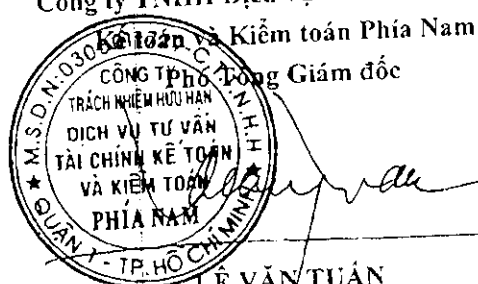
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP SX KD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ THẢO

Số Giấy CN ĐKHN KT: 2626-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.851.656.055</b>	<b>8.887.993.228</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.053.101.499</b>	<b>1.503.535.228</b>
1. Tiền	111		1.053.101.499	1.503.535.228
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.103.865.177</b>	<b>4.630.981.458</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	548.066.363	334.846.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.534.779.000	4.194.928.3
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4</b>	21.019.814	101.206.851
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>2.332.335.490</b>	<b>2.095.996.728</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.332.335.490	2.095.996.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>362.353.889</b>	<b>657.479.815</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.9</b>	123.358.976	226.616.485
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		238.994.913	430.863.330
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.059.820.057</b>	<b>16.422.722.338</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

CÔNG TY  
 Ở PHẦN  
 AT KINH DO  
 A TRANG THI  
 Y TẾ  
 ET MỸ  
 T. BIN

301172  
 CÔNG TY  
 TÁCH NHÌM HỮ  
 CH VỤ TƯ  
 CHÍNH KẾ  
 VÀ KIỂM TI  
 PHÍA NA  
 TP. HC



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.028.167.616</b>	<b>11.091.118.653</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.869.035.612	6.476.595.157
- Nguyên giá	222		11.580.711.001	10.173.918.648
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.711.675.389)	(3.697.323.489)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.159.132.004	4.614.523.496
- Nguyên giá	228		9.707.830.000	9.707.830.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.548.697.996)	(5.093.306.504)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.6		<b>2.363.483.322</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			2.363.483.322
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>2.525.620.225</b>	<b>2.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.600.000.000	2.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(74.379.775)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>506.032.216</b>	<b>368.120.363</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	506.032.216	368.120.363
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.911.476.112</b>	<b>25.310.715.566</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.675.245.629</b>	<b>13.420.419.670</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.171.711.409</b>	<b>2.058.885.450</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	140.957.960	587.100.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		64.412.600	164.430.320
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.590.000	
4. Phải trả người lao động	314		163.159.439	163.639.105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	144.503.184	172.282.384
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	112.908.315	41.250.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2.541.179.911	930.183.461
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.503.534.220</b>	<b>11.361.534.220</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	7.503.534.220	11.361.534.220
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.236.230.483</b>	<b>11.890.295.896</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>11.236.230.483</b>	<b>11.890.295.896</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.157.500.000	21.157.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.157.500.000	21.157.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.562.792.834	1.562.792.834
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.484.062.351)	(10.829.996.938)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.829.996.938)	(1.383.496.205)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(654.065.413)	(9.446.500.733)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>21.911.476.112</b>	<b>25.310.715.566</b>

0380023  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 SẢN XUẤT KINH  
 DOANH VÀ TRANG  
 BỊ Y TẾ  
 VIỆT MỸ  
 TẠI T. B

0117  
 CÔNG TY  
 TRÁCH NHIỆM  
 HỮU HẠN  
 CÔNG NGHỆ  
 VÀ KIỂM  
 PHÍA N  
 TP. H

Người lập biểu



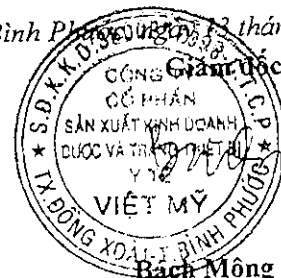
Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh

Bình Phước, ngày 13 tháng 01 năm 2016



Bach Mộng Hà

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.054.848.829	4.172.714.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.054.848.829	4.172.714.450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.526.819.878	4.361.282.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.528.028.951	(188.568.149)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.077.523	4.792.636
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.005.687.306	4.821.063.092
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		931.307.531	302.557.500
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	38.044.697	212.638.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.917.349.020	2.707.408.980
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(430.974.549)	(7.924.885.596)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.905	274.596.643
12. Chi phí khác	32	VI.6	223.092.769	1.796.211.780
13. Lợi nhuận khác	40		(223.090.864)	(1.521.615.137)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(654.065.413)	(9.446.500.733)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		(654.065.413)	(9.446.500.733)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(309)	(4.465)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Bình Phước, ngày 13 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vinh



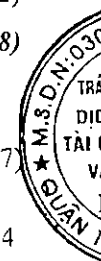
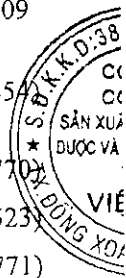
Bách Mộng Hà

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		8.691.538.802	9.964.159.409
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.062.885.965)	(13.610.882.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.556.356.133)	(2.734.420.770)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(865.289.383)	(302.557.523)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(23.008.771)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.209.267	411.394.613
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(128.073.122)	(882.549.842)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.122.143.466</b>	<b>(7.177.865.538)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(373.326.818)	(4.384.891.197)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2.641.809.524
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			498.425.349
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.753.174	4.792.636
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(325.573.644)</b>	<b>(2.839.863.688)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	5.411.671.511	13.558.176.076
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(7.658.675.061)	(3.279.592.615)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.247.003.550)</b>	<b>10.278.583.461</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(450.433.728)</b>	<b>260.854.235</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.503.535.227</b>	<b>1.242.680.992</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.053.101.499</b>	<b>1.503.535.227</b>

Bình Phước, ngày 13 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

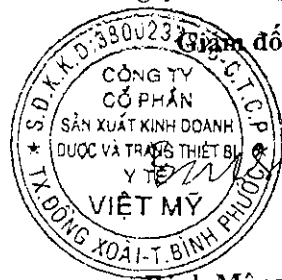


Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh



Bách Mộng Hà

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.157.500.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 21.157.500.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 2 - Xã Tiến Thành - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyên giao công nghệ.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng****5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp:****Danh sách công ty liên doanh, liên kết**

Tên	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	2.600.000.000	30,23%	30,23%

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, được áp dụng từ ngày 01/01/2015.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014. Chi tiết xem thuyết minh VIII.8.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Trên máy vi tính.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### *Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

*Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*





# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

## 2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

### Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển... có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

### Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

## 3. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

**Nguyên tắc ghi nhận:** bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phân giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

**Đánh giá lại cuối kỳ:** Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Không đánh giá lại các khoản trả trước cho người bán và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ, trừ trường hợp tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ và doanh nghiệp sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

**Nguyên tắc ghi nhận:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

### Phương tính giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Bình quân gia quyền.

### Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

### Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

## 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý và nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2015

#### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

**Nguyên tắc ghi nhận:** Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### **Dự phòng phải trả :**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Đánh giá lại cuối kỳ:** tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Không đánh giá lại các khoản người mua trả tiền trước và các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, trừ trường hợp tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc doanh nghiệp không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ và sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ cho người mua.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Khoản mục này phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### **Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản**

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bằng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

K.D. 38002  
CÔNG  
CỐ PH  
SẢN XUẤT KIR  
DƯỢC VÀ TRAN  
Y TẾ  
VIỆT  
ĐỒNG XOÀI-T

05011729  
CÔNG TY  
VỐN CHỦ SỞ HỮU  
CH VỤ TƯ V  
CHÍNH KẾ T  
PHÍA NAM  
I - TP. HỒ

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

## *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phân ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phân ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

## *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

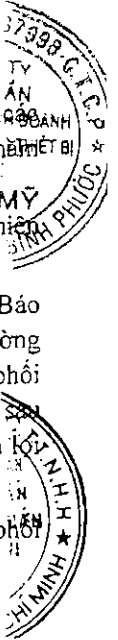
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

## Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

## 13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

## 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

### 20. Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	544.000.822	1.181.867.349
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	509.100.677	321.667.878
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.053.101.499</b>	<b>1.503.535.227</b>

#### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Dự phòng	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30,23%	2.600.000.000	(74.379.775)	30,23%	2.600.000.000	2.600.000.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn		2.600.000.000	(74.379.775)		2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>(74.379.775)</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>

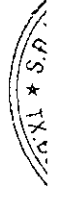
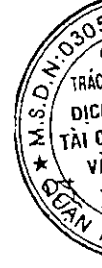
Ghi chú:

- Tóm tắt hoạt động của công ty liên kết:

Tên công ty	Tỷ lệ nắm giữ	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	30,23%	50.977.726	(246.025.409)

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và liên kết trong kỳ:

Tên công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Trả nợ vay	2.000.000.000
	Lãi vay phải trả	340.833.333



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

**Phải thu khách hàng ngắn hạn**

Chi tiết số dư như sau:

- + Công ty TNHH TM DP Dương Minh
- + Công ty TNHH MTV SX TM DV Đăng Quang
- + Công ty TNHH Thiết bị Y tế Thiên Nam
- + Công ty TNHH TMDV Hưng Việt
- + Các đối tượng khác

**Tổng cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	74.793.100	137.067.932
	352.632.000	146.154.700
	84.110.000	32.809.500
	36.531.263	18.814.100
	548.066.363	334.846.232

### 4. PHẢI THU KHÁC

**Phải thu ngắn hạn khác**

- Tạm ứng cho nhân viên
- Phải thu khác

**Tổng cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	18.103.147	101.206.851
	2.916.667	
	21.019.814	101.206.851

### 5. HÀNG TỒN KHO

- Hàng mua đang đi đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa
- Hàng hóa gửi bán
- Hàng hóa kho bảo thuế

**Tổng cộng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	1.521.463.577		1.593.919.564	
	376.159.132		152.472.088	
	361.015.617		275.907.912	
	73.697.164		73.697.164	
	2.332.335.490		2.095.996.728	

### 6. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước
- Nhà máy bao bì

**Tổng cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
		1.572.950.638
		790.532.684
		2.363.483.322

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 7. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	1.582.533.062	7.460.867.403	1.130.518.181			10.173.918.646
2. Số tăng trong năm	1.406.792.355					1.406.792.355
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.406.792.355					1.406.792.355
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong năm</b>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>2.989.325.417</b>	<b>7.460.867.403</b>	<b>1.130.518.181</b>			<b>11.580.711.001</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	1.266.026.378	2.236.983.833	194.313.277			3.697.323.489
2. Khấu hao trong năm	228.592.909	672.707.182	113.051.809			1.014.351.900
- Khấu hao tăng trong năm	228.592.909	672.707.182	113.051.809			1.014.351.900
- Tăng khác						
<b>3. Giảm trong năm</b>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>1.494.619.287</b>	<b>2.909.691.015</b>	<b>307.365.086</b>			<b>4.711.675.389</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm	316.506.684	5.223.883.570	936.204.904			6.476.595.157
2. Tại ngày cuối năm	1.494.706.130	4.551.176.388	823.153.095			6.869.035.612



3800:  
 CÔNG  
 CỔ P  
 UẤT K  
 Á TR  
 Y TẾ  
 VIỆT  
 11-1

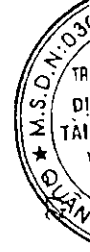
## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bán quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						<b>9.707.830.000</b>
1. Số dư đầu năm	600.000.000	9.107.830.000				
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	600.000.000	9.107.830.000				<b>9.707.830.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						<b>5.093.306.504</b>
1. Số dư đầu năm	84.000.000	5.009.306.504				
2. Khấu hao trong năm		455.391.492				
- Khấu hao tăng trong năm		455.391.492				
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	84.000.000	5.464.697.996				<b>5.548.697.996</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>						<b>4.159.132.004</b>
1. Tại ngày đầu năm	516.000.000	4.098.523.496				
2. Tại ngày cuối năm	516.000.000	3.643.132.004				



19/12/2015

37/86

11/2/15 8 3 1011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

#### 9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ
- Phí giám sát môi trường
- Phí sửa chữa
- Phí bảo hộ lao động
- Phí công tác nước ngoài
- Phí in ấn
- Phí đánh giá GMP - ISO
- Chi phí khác

**Tổng cộng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	61.105.783	190.073.289
		1.727.259
	10.602.500	5.646.670
	2.127.493	10.637.497
		12.383.436
		6.148.335
	42.773.200	
	6.750.000	
	<b>123.358.976</b>	<b>226.616.485</b>

#### 9.2 Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ dụng cụ
- Tôn mạ màu
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc...
- Phí cam kết bảo vệ môi trường
- Phí đánh giá GMP - ISO

**Tổng cộng**

	16.566.555	50.159.808
		13.970.007
	402.457.275	150.833.300
	8.181.825	24.545.457
	78.826.561	128.611.765
	<b>506.032.216</b>	<b>368.120.363</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

#### 10.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	
Vay ngắn hạn					
+ Ngân hàng Dầu tư và Phát triển VN (1)	941.179.911	941.179.911	2.511.671.511	2.500.675.061	930.183.461
+ Bà Đàm Thị Hương (2)	1.600.000.000	1.600.000.000	2.900.000.000	1.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.541.179.911</b>	<b>2.541.179.911</b>	<b>5.411.671.511</b>	<b>3.800.675.061</b>	<b>930.183.461</b>

(1) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại ngày 31/12/2015 là 7%/năm.

- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay: 6 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(2) Đây là số dư nợ vay theo các Hợp đồng vay tiền từng lần cụ thể.

- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể, từ 11%/năm - 12%/năm.

- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động và thanh toán các khoản vay ngân hàng đến hạn

- Thời hạn vay: 6 - 12 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tín chấp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 10.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay dài hạn	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (3)	2.003.534.220	2.003.534.220	1.858.000.000		3.861.534.220	3.861.534.220
+ Công ty CP TM Việt Mỹ Sài Gòn (4)	5.500.000.000	5.500.000.000	2.000.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.503.534.220</b>	<b>7.503.534.220</b>	<b>3.858.000.000</b>		<b>11.361.534.220</b>	<b>11.361.534.220</b>

(3) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HĐ ngày 28/06/2013.

- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 31/12/2015 là 11%/năm.

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sinh phẩm chuẩn đoán y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BDI73195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(4) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014 và Phụ lục hợp đồng số PL01.03/HĐHT-2014 ngày 05/02/2015.

- Số tiền vay: 6.000.000.000 đồng

- Lãi suất: 7,5%/năm

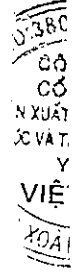
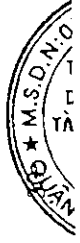
- Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Làm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

- Thời hạn vay: 24 tháng.

- Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

### 10.3 Số vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Tên công ty	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên kết			
+ Công ty CP TM Việt Mỹ Sài Gòn	Vay dài hạn	5.500.000.000	7.500.000.000



37  
 G Y TẾ  
 HỒ SƠ  
 M.S.D.N.G  
 BINH PHƯỚC

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

Đơn vị tính: VND

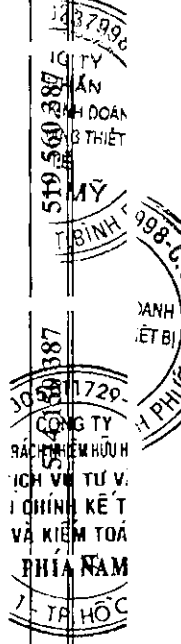
### 11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Ngắn hạn:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết số dư như sau				
+ Công ty CP Bao bì Sài Gòn	66.178.200	66.178.200	173.731.800	173.731.800
+ Công ty TNHH TM Gia Phát	22.545.600	22.545.600	42.944.000	42.944.000
- Công ty TNHH TM In Bao bì An Bình	52.234.160	52.234.160	335.400.000	335.400.000
+ Công ty TNHH XD Công Nghiệp Nhật Hoa			35.024.380	35.024.380
+ Các đối tượng khác				
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.957.960</b>	<b>140.957.960</b>	<b>587.100.180</b>	<b>587.100.180</b>

### 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		472.925.918	472.925.918	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	887.074		887.074	
Thuế xuất nhập khẩu	502.117		502.117	
Thuế thu nhập cá nhân	40.827.778		36.237.778	
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	8.400.000		8.400.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	607.500		607.500	
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.590.000</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

#### Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí lãi vay
- Trích trước phí kiểm toán
- Trích trước lương nghỉ phép năm

#### Tổng cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
76.321.366	7.386.551
68.181.818	80.000.000
	84.895.833
<b>144.503.184</b>	<b>172.282.384</b>

### 14 . PHẢI TRẢ KHÁC

#### Phải trả ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn
- Cổ tức lợi nhuận phải trả
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

#### Tổng cộng

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1.658.315	
	41.250.000
111.250.000	
<b>112.908.315</b>	<b>41.250.000</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn Trái phiếu chuyển đổi	Chênh lệch do đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	21.157.500.000				1.562.792.834	(1.383.496.205)	21.336.796.629
- Tăng trong năm							
Trong đó:							
- Tăng vốn trong năm trước							
- Lãi trong năm trước							
- Tăng khác							
- Giảm trong năm						(9.446.500.733)	(9.446.500.733)
Trong đó:							
- Giảm vốn trong năm trước						(9.446.500.733)	(9.446.500.733)
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	21.157.500.000				1.562.792.834	(10.829.996.938)	11.890.295.896
- Tăng trong năm							
Trong đó:							
- Tăng vốn trong năm nay							
- Lãi trong năm nay							
- Tăng khác						(654.065.413)	(654.065.413)
- Giảm trong năm							
Trong đó:							
- Giảm vốn trong năm nay						(654.065.413)	(654.065.413)
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	21.157.500.000				1.562.792.834	(11.484.062.351)	11.236.230.483



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các cổ đông	21.157.500.000	21.157.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.157.500.000</b>	<b>21.157.500.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.157.500.000	21.157.500.000
+ Vốn góp đầu năm	21.157.500.000	21.157.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	21.157.500.000	21.157.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.115.750
+ Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
+ Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP		

**e. Cổ tức**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	1.562.792.834
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CDKT**

Không có thông tin cho các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng	8.054.848.829	4.172.714.450
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.054.848.829</b>	<b>4.172.714.450</b>

#### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm đã bán	4.237.886.883	2.537.033.224
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường được tính trực tiếp vào giá vốn	1.288.932.995	1.824.249.375
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.526.819.878</b>	<b>4.361.282.599</b>

#### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.077.523	4.792.636
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.077.523</b>	<b>4.792.636</b>

#### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	931.307.531	302.557.523
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		4.518.505.569
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	74.379.775	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.005.687.306</b>	<b>4.821.063.092</b>

#### 5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Lãi do đánh giá lại vốn góp		274.596.643
- Thu nhập khác	1.905	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.905</b>	<b>274.596.643</b>

#### 6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	59.075.562	1.249.690.112
- Thuế truy thu, phạt chậm nộp thuế		48.016.738
- Nộp phạt vi phạm hành chính	5.049.141	366.174
- Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ		226.118.900
- Chi phí khác	158.968.066	272.019.856
<b>Tổng cộng</b>	<b>223.092.769</b>	<b>1.796.211.780</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 7. CHI PHÍ BÁN HÀNG

- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tổng cộng**

Năm nay	Năm trước
2.700.003	
35.344.694	212.638.011
<b>38.044.697</b>	<b>212.638.011</b>

### 8. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tổng cộng**

Năm nay	Năm trước
1.342.245.575	1.452.590.156
58.354.908	25.228.727
4.000.000	3.000.000
512.748.537	1.226.590.097
<b>1.917.349.020</b>	<b>2.707.408.980</b>

### 9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền
- Tổng cộng**

Năm nay	Năm trước
2.002.109.751	1.420.311.051
2.749.795.032	3.060.514.744
1.469.743.392	1.110.499.584
1.157.431.268	1.983.092.390
4.000.000	3.000.011
<b>7.383.079.443</b>	<b>7.577.417.786</b>

### 10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay
- Tổng cộng**

Năm nay	Năm trước

### 11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(654.065.413)	(9.446.500.733)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.115.750	2.115.750
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(309)</b>	<b>(4.465)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

**Tổng cộng**

Năm nay

5.411.671.511

5.411.671.511

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

**Tổng cộng**

Năm nay

7.658.675.061

7.658.675.061

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TANG, KHOẢN CAM KẾT VÀ THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Không có

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

**Bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn
- Ông Bách Mộng Hà
- Bà Hoàng Oanh

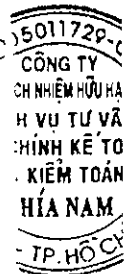
**Mối quan hệ**

- Công ty liên kết
- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Thành viên HĐQT

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Trả nợ vay dài hạn	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	340.833.333
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	64.787.701
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên	Tạm ứng	8.500.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	303.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên	Lương và thưởng	119.875.001



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày 31/12/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	5.500.000.000,38

**4. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**5. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****5.1 Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.053.101.499	1.503.535.227	1.053.101.499	1.503.535.227
Phải thu khách hàng	548.066.363	334.846.232	548.066.363	334.846.232
Trả trước cho người bán	3.534.779.000	4.194.928.375	3.534.779.000	4.194.928.375
Các khoản phải thu khác	21.019.814	101.206.851	21.019.814	101.206.851
<b>Cộng</b>	<b>5.156.966.676</b>	<b>6.134.516.685</b>	<b>5.156.966.676</b>	<b>6.134.516.685</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	140.957.960	587.100.180	140.957.960	587.100.180
Người mua trả tiền trước	64.412.600	164.430.320	64.412.600	164.430.320
Vay và nợ	10.044.714.131	12.291.717.681	10.044.714.131	12.291.717.681
Phải trả người lao động	163.159.439	163.639.105	163.159.439	163.639.105
Chi phí phải trả	144.503.184	172.282.384	144.503.184	172.282.384
Các khoản phải trả khác	112.908.315	41.250.000	112.908.315	41.250.000
<b>Cộng</b>	<b>10.670.655.629</b>	<b>13.420.419.670</b>	<b>10.670.655.629</b>	<b>13.420.419.670</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

**5.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm 2015**Đơn vị tính: VND*

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

02375  
CÔNG TY  
PHẦN  
KIỂM DO  
BẢNG THỊ  
T MỸ  
T. BÌNH

23  
G T  
HÃ  
INH  
NG  
TẾ  
M  
9  
M. D. N. 03  
TR. G. D. H.  
TÀI V  
QUẢN



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để áp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	140.957.960	-	-
Người mua trả tiền trước	64.412.600	-	-
Vay và nợ	2.541.179.911	7.503.534.220	-
Phải trả người lao động	163.159.439	-	-
Chi phí phải trả	144.503.184	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	112.908.315	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.167.121.409</b>	<b>7.503.534.220</b>	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 5.3 Tài sản đảm bảo

#### a. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không có bất kỳ tài sản nào thế chấp cho đơn vị khác.

#### b. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản thế chấp nào của đơn vị khác.

### 6. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY

Không có

### 7. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

### 8. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS); Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính để so sánh.

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015 và số liệu của Báo cáo Kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày 31/12/2014 như sau:

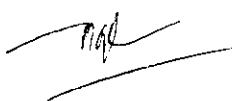
Trình bày theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Trình bày theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014	Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2014
<b>TÀI SẢN</b>			<b>TÀI SẢN</b>		
158	Tài sản ngắn hạn khác	101.206.851	136	Phải thu ngắn hạn khác	101.206.851
<b>Tổng cộng</b>		<b>101.206.851</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>101.206.851</b>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2014	Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2014
31	Thu nhập khác	2.916.406.167	31	Thu nhập khác	274.596.613
32	Chi phí khác	4.438.021.304	32	Chi phí khác	1.796.211.780

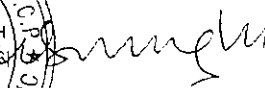
Bình Phước, ngày 13 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Phương

Nguyễn Văn Vĩnh

Bạch Mộng Hà